THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
S´ : /2012/Qn -TTg	*Hà Nội, ngày tháng năm 2012*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc tham gia của các tổ chức, cá nhân nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam

CLn c Luct T chc Chính ph ngày 25 tháng 12 nLm 2001;

CLn c Luct Doanh nghip ngày 29 tháng 11 nLm 2005;

CLn c Luct nFu tengày 29 tháng 11 nLm 2005;

CLn c Luct Ch ng khoán s 70 ngày 29 tháng 6 nLm 2006 và Luct sa Li, b sung m t s LiQu c a Luct Ch ng khoán s 62 ngày 24 tháng 11 nLm 2010;

CLn c Nghl nh 102/2010/Nn -CP ngày 1 tháng 10 nLm 2010 c a Chính ph heng dXn thi hành m t s LiQu c a Luct Doanh nghip;

CLn c Nghl nh s 108/2006/Nn -CP ngày 22 tháng 9 nLm 2006 quy Lnh chi tiJt và heng dXn m t s LiQu c a Luct nFu te;

CLn c Nghl nh s 58/2012/Nn -CP ngày 20 tháng 7 nLm 2012 quy Lnh chi tiJt và heng dXn thi hành m t s LiQu c a Luct Ch ng khoán và Luct b sung, sa Li m t s LiQu c a Luct Ch ng khoán;

Theo LQnghl c a B trEng B Tài chính;

Th tEng Chính ph ban hành QuyJt Lnh vQvic tham gia c a các t ch c, cá nhân neC ngoài trên thl trEng ch ng khoán Vit Nam,

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

QuyJt Lnh này quy Lnh vQs tham gia c a các t ch c, cá nhân neC ngoài Li v i các t ch c trên thl trEng ch ng khoán Vit Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

n i tEng áp d ng tUi QuyJt Lnh này là: Công ty c phFn LUi chúng, t ch c phát hành trái phiJu doanh nghip ra công chúng, công ty ch ng khoán, công ty quIn lý qu: LFu tech ng khoán, qu: LFu tech ng khoán, công ty LFu tech ng khoán và các t ch c, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Các t ng trong quyJt Lnh này LEc hiWu nhesau:

1. T ch c neC ngoài bao gm:

a. Tổ chức thành lập và hoạt động theo pháp luật nước ngoài và chi nhánh của các tổ chức này tại nước ngoài và tại Việt Nam.

b. Tổ chức thành lập và hoạt động ở Việt Nam có tỷ lệ tham gia góp vốn của bên nước ngoài trên 49%.

c. Quỹ đầu tư đại chúng, Quỹ thành viên, Công ty đầu tư chứng khoán có tỷ lệ tham gia góp vốn của bên nước ngoài trên 49%.

2. Cá nhân nước ngoài là người không mang quốc tịch Việt Nam, cư trú tại nước ngoài hoặc tại Việt Nam.

Điều 4. Tỷ lệ sở hữu của các tổ chức, cá nhân nước ngoài trong công ty cổ phần đại chúng

1. Tổ chức, cá nhân nước ngoài được sở hữu tới 49% tổng số cổ phiếu của công ty cổ phần đại chúng, ngoại trừ:

a. Pháp luật chuyên ngành có quy định khác thì áp dụng theo quy định của pháp luật chuyên ngành;

b. Cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác thì áp dụng theo cam kết quốc tế đó;

c. Danh mục ngành nghề hạn chế đầu tư nước ngoài và tỷ lệ sở hữu nước ngoài cụ thể có quy định khác thì áp dụng theo Danh mục đó (nếu có).

Trường hợp công ty cổ phần đại chúng hoạt động đa ngành nghề đầu tư, bao gồm cả một số ngành nghề hạn chế có quy định khác nhau về tỷ lệ tham gia của tổ chức, cá nhân nước ngoài thì tổ chức, cá nhân nước ngoài được góp vốn, mua cổ phần không quá mức của ngành nghề hạn chế có quy định tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài thấp nhất.

2. Tổ chức, cá nhân nước ngoài được đầu tư không hạn chế với cổ phiếu của công ty cổ phần đại chúng chuyển đổi đối tượng doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), ngoại trừ các trường hợp quy định tại điểm a,b,c Khoản 1 điều 4 Quyết định này.

Trong quá trình hoạt động của công ty cổ phần đại chúng chuyển đổi đối tượng doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, các cổ đông sáng lập nước ngoài được phép chuyển nhường cổ phần cho tổ chức, cá nhân nước ngoài theo quy định sau:

- Việc chuyển nhường cho các cổ đông nước ngoài không phải là cổ đông sáng lập phải được đại hội đồng cổ đông chấp thuận sau khi loại bỏ phần biểu quyết của cổ đông sáng lập chuyển nhường.

- Việc chuyển nhường cổ phần của cổ đông sáng lập nước ngoài trong thời gian hạn chế chuyển nhường cho tổ chức, cá nhân trong nước phải được đại hội đồng cổ đông chấp thuận, sau khi đã loại bỏ phần biểu quyết của cổ đông sáng lập và phải được cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư chấp thuận.

Ngoại trừ cổ đông sáng lập nắm giữ tối đa tối thiểu 30% vốn điều lệ đến hết ngày đầu đãi đầu tiên, cổ đông sáng lập của công ty cổ phần đại chúng chuyển đổi phải cam kết nắm giữ tối thiểu 20% vốn điều lệ trong vòng 5 năm kể từ khi chuyển đổi hoặc 2 năm kể từ khi niêm yết nếu thời gian hạn chế chuyển nhượng đã hết.

Điều 5. Tỷ lệ sở hữu của các tổ chức, cá nhân nước ngoài trong tổ chức phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng

1. Tổ chức, cá nhân nước ngoài được đầu tư không hạn chế đối với trái phiếu của tổ chức phát hành trái phiếu doanh nghiệp, ngoại trừ có quy định khác của tổ chức phát hành.

2. Trường hợp phát hành trái phiếu chuyển đổi, tổ chức phát hành phải đảm bảo tỷ lệ tham gia của tổ chức, cá nhân nước ngoài tính tại thời điểm phát hành trái phiếu chuyển đổi cho đến khi chuyển đổi thành cổ phiếu theo quy định tại điểm 4 Quyết định này.

Điều 6. Tỷ lệ sở hữu của các tổ chức, cá nhân nước ngoài trong quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán

Tổ chức, cá nhân nước ngoài được đầu tư không hạn chế đối với chứng chỉ quỹ của Quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của Công ty đầu tư chứng khoán, ngoại trừ điều lệ Quỹ/Công ty có quy định khác.

Điều 7. Tỷ lệ sở hữu của các tổ chức, cá nhân nước ngoài trong công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ

1. Tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài được tham gia góp vốn, mua cổ phần để thành lập Công ty chứng khoán, Công ty quản lý quỹ tại Việt Nam với tỷ lệ sở hữu tối đa là 49% vốn điều lệ, ngoại trừ trường hợp quy định tại khoản 2,3 của điều này.

2. Tổ chức nước ngoài đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a,b,d Khoản 10 điều 71 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán mua cổ phần, phần vốn góp để sở hữu toàn bộ 100% vốn điều lệ của một tổ chức kinh doanh chứng khoán đang hoạt động.

3. Tổ chức nước ngoài đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 10 điều 71 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP thành lập một tổ chức kinh doanh chứng khoán 100% vốn nước ngoài dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tại Việt Nam.

4. Tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đáp ứng quy định tại điều 77 Luật Chứng khoán và điểm a,b,c,d khoản 3 điều 74 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP được thành lập chi nhánh tại Việt Nam.

5. Tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài cung cấp dịch vụ môi giới chứng khoán phù hợp các điều kiện quy định tại khoản 10 điều 71 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP được thành lập chi nhánh Công ty chứng khoán cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư tại Việt Nam.

Điều 8. Quyết định này có hiệu lực thi hành ngày tháng năm 2012 và thay thế Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ. Tổ chức, cá nhân nước ngoài có tỷ lệ sở hữu vượt quá quy định tại điều 4 trước khi Quyết định này có hiệu lực thì được quyền giữ nguyên tỷ lệ sở hữu hiện hành và chỉ được phép bán ra.

Điều 9. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Quyết định này. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc các Tập đoàn kinh tế nhà nước, Tổng công ty 91 và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước; Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội; Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW MTTQ Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các Đoàn thể;
- Các Tập đoàn kinh tế NN, Tổng công ty 91;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, Đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH (5b). xh